TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-PT
Ngày 31 - 5 - 2019
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương
Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2019/TLPT-HN ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "chia tài sản sau khi ly hôn và đòi lại tài sản".

Do bản án hôn nhângia đình sơ thẩm số: 04/2019/HN-ST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1982; trú tại: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. *Bị đơn:*Anh Lê Thanh Q, sinh năm 1982; trú tại: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958 trú tại: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Thanh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Chị và anh Q đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 80/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri. Về tài sản chung,khi ly hôn thì chị và anh Q tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn, anh chị không thoả thuận được nên phát sinh tranh chấp. Do đó, ngày 03/4/2018 anh Q có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh Q. Ngày 16/5/2018, chị M có đơn phản tố yêu cầu chia một số tài sản chung của vợ chồng mà khi ly hôn anh Q quản lý và đòi lại tài sản mà anh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Đ đang giữ. Đến ngày 13/6/2018, anh Q rút đơn khởi kiện chia tài sản chung. Toà án nhân dân huyện Ba Tri đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Q.

Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố chia tài sản chung và đòi lại tài sản, yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của chị và anh Q gồm có: 01 sợ dây chuyền 20 chỉ vàng 18k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18k, 01 chiếc lắc 10 chỉ vàng 18k, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k; 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k; 01 chiếc AirBlade Thái biển số 71C2 – 249.xx.

- 02 dây hụi chơi với chị Lê Thị N, anh Q đã hốt với số tiền là 88.000.000 đồng.

- 01 ngôi nhà; 01 mái che tiền chế, 01 sân đan, 01 hàng rào tại thửa đất 788, tờ bản đồ số 11 và chia đôi phần đất thuộc thửa 788, tờ bản đồ số 11, diện tích đo đạc thực tế 712,4m^2 hiện do chị Nguyễn Thị Trúc M đứng tên quyền sử dụng đất.

- 02 ti vi (01 cái 42 inch + 01 cái 24 inch); 01 dàn máy âm ly, 01 máy nước nóng lạnh; 01 tủ lạnh; 01 máy lạnh, 01 bộ bàn, ghế gỗ; 01 tủ bupphe gỗ; 01 giường hộp bằng gỗ; 01 giường phòng gỗ; 01 giường ngủ inox; 01 giường ngủ bằng gỗ tạp; 01 tủ ly gỗ; 01 ly văng gỗ; 01 bộ ghế inox; 01 ghế dựa gỗ; 01 giá võng inox; 01 ghế dài gỗ mặt đá hoa cương; 01 máy giặt; 06 hồ chứa nước lớn, 02 hồ chứa nước nhỏ; 01 tủ nhôm đựng quần áo.

- Cây trồng trên đất có 01 cây bưởi, 03 cây mít, 01 cây mận, 01 cây nhãn, 01 cây ổi, 08 cây mãng cầu, 01 cây nguyệt quế, 09 cây cao kiểng.

Trong tài sản chung trên thì hiện anh Q đang quản lý toàn bộ số vàng, 88.000.000 đồng tiền hụi, 02 chiếc xe gắn máy, 02 tivi (01 cái 42 inch + 01 cái 24inch); 01 dàn máy âm ly, 01 máy nước nóng lạnh, 01 tủ lạnh, 01 máy lạnh, 01 giá võng inox. Số tài sản còn lại thì chị quản lý.

Chị M yêu cầu bà Phan Thị Đ trả lại 11 chỉ vàng 24k và yêu cầu anh Q trả lại chiếc xe Vespa biển số 71C2 – 421.xx là tài sản riêng của chị.

Chị đồng ý bản vẽ ngày 31/8/2018 và các kết quả định giá ngày 07/9/2018, 12/10/2018 làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị M yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản chung của chị và anh Q theo định giá đã định vào ngày 7/9/2018 và ngày 12/10/2018, chị yêu cầu được nhận nhà, đất và đồ dùng trong nhà mà chị đang quản lý, còn tài sản anh Q quản lý thì chị yêu cầu nhận tiền trên giá trị tài sản được chia. Chiếc xe Vespa biển số 71C2 -

421.xx anh Q cho là tài sản chung, không chấp nhận là tài sản riêng của chị, chị không có chứng cứ chứng minh, vì vậy chị đồng ý chiếc xe Vespa biển số 71C2 - 421.xx là tài sản chung, đồng ý chia đôi, hiện anh Q đã cầm bán với giá 70.000.000 đồng nhưng chị yêu cầu chia với giá trị 50% còn lại của xe là 37.500.000 đồng và chiếc xe Air Blade Thái biển số 71C2 – 249.xx anh Q cầm bán với giá 60.000.000 đồng thì chị cũng yêu cầu chia với giá trị 50% còn lại của xe là 32.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bà Đ trả lại 11 chỉ vàng 24k tài sản chung của vợ chồng để chia đôi thì nay chị xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh Q trình bày:

Anh và chị M đã ly hôn theo quyết định số 80/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri, về tài sản chung khi ly hôn thì vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, anh chị không tự thoả thuận được nên phát sinh tranh chấp. Do đó, ngày 03/4/2018 anh khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung sau khi ly hôn, gồm có nhà và đất thuộc thửa 788 tờ bản đồ số 11. Anh yêu cầu được nhận nhà và đất. Ngày 13/6/2018 anh rút đơn khởi kiện, Toà án ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của anh. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố chia tài sản chung thì anh đồng ý chia tài sản chung của chị M đang quản lý gồm nhà, đất, mái che tiền chế, hàng rào, sân đan, đồ dùng trong nhà gồm 01 bộ bàn, ghế gỗ; 01 tủ bupphe gỗ, 01 giường hộp gỗ, 01 giường phòng gỗ; 01 giường ngủ inox; 01 giường ngủ bằng gỗ tạp; 01 tủ ly gỗ; 01 ly văng gỗ, 01 bộ ghế inox; 01 ghế dựa gỗ; 01 ghế dài gỗ mặt đá hoa cương; 01 máy giặt; 06 hồ nước lớn, 02 hồ nước nhỏ; 01 tủ nhôm đựng quần áo và toàn bộ cây trồng trên đất có 01 cây bưởi, 03 cây mít, 01 cây mận, 01 cây nhãn, 01 cây ổi, 08 cây mãng cầu, 01 cây nguyệt quế, 09 cây cao kiểng và chia đôi số tài sản trong nhà mà anh đã lấy đi, hiện anh đang giữ gồm 02 tivi (01 cái 42 inch + 01 cái 24 inch); 01 dàn máy âm ly, 01 máy nước nóng lạnh, 01 tủ lạnh, 01 máy lạnh, 01 giá võng inox.

Đối với tài sản trong nhà và cây trồng thì anh đồng ý chia theo giá đã định vào ngày 7/9/2018 mà anh chị đã thống nhất, còn mái che tiền chế, sân đan, hàng rào thì chia theo định giá ngày 12/10/2018. Còn nhà, đất nếu chia theo giá định giá ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre thì phải chia nhà đất cho anh, anh trả lại toàn bộ giá trị nhà đất cho chị M, nếu Toà án chia đôi và chia cho chị M nhận thì anh không đồng ý chia theo giá đã định ngày 12/10/2018 yêu cầu chia theo giá mà anh đưa ra là 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu định giá lại.

Đối với số vàng gồm 35 chỉ vàng 18k, 5 chỉ vàng 24k và 88.000.000 đồng tiền hụi và 01 chiếc xe thì không đồng ý chia, vì vàng và tiền hụi anh đã bán tiêu xài hết, còn 02 chiếc xe thì anh cầm bán (Chiếc AirBlade Thái biển số 71C2 – 249.xx giá 64.000.000 đồng anh cầm bán giá 60.000.000 đồng; 01 chiếc xe Vespa biển số 71C2 – 421.xx giá mua 74.000.000 đồng, anh cầm bán giá 70.000.000 đồng), vì vậy anh không đồng ý chia 01 chiếc xe này.

Đối với số vàng 11 chỉ vàng 24k là vàng cưới mà vợ chồng đã gửi mẹ anh bà Phan Thị Đ giữ thì vào năm 2002 khi vợ chồng nói lấy lại vàng để bán thì mẹ anh đã lấy

tiền mua lại là 6.000.000 đồng, anh đã đưa số tiền cho chị M từ năm 2002 đến nay. Chị M yêu cầu mẹ anh trả lại để chia đôi cho anh và chị M thì anh không đồng ý. Nay tại Toà chị M rút lại yêu cầu đòi lại 11 chỉ vàng thì anh thống nhất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ trình bày:

Vào năm 2001, vợ chồng M – Q có gửi bà giữ 11 chỉ vàng cưới của vợ chồng M – Q, đến khoảng tháng 7, 8 năm 2002 anh Q về kêu bà đưa lại 11 chỉ vàng bà đang giữ để vợ chồng bán lấy tiền cho vay lấy lãi, bà thấy vàng cưới để làm kỉ niệm bán tiếc nên bà đã bỏ tiền ra mua lại 11 chỉ vàng của Q và M với giá là 6.000.000 đồng, bà đưa tiền cho cho Q, Q đem về đưa cho M từ năm 2002 đến nay. Nay M yêu cầu trả lại vàng, M trả lại tiền cho bà thì bà không đồng ý vì bà đã mua nên số vàng này thuộc quyền sở hữu của bà. Tại phiên toà chị M rút yêu cầu đòi 11 chỉ vàng lại thì bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 31/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc M đối với anh Lê Thanh Q.

Chia tài sản chung gồm có:

- 01 mái che (B) và 01 nhà (A), 01 sân đan, 01 hàng rào trên thửa đất 788, tờ bản đồ số 11 (thửa mới 467, tờ bản đồ số 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri (có hoạ đồ kèm theo).

- 01 thửa đất 788, tờ bản đồ số 11, diện tích 712,4m^2 (thửa mới 467, tờ bản đồ 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri do chị Nguyễn Thị Trúc M đứng tên quyền sử dụng đất (có hoạ đồ kèm theo).

- Tài sản trong nhà gồm có 02 tivi (01 cái 42 inch + 01 cái 24 inch); 01 dàn máy âm ly; 01 máy nước nóng lạnh; 01 tủ lạnh; 01 máy lạnh; 01 giá võng inox; 01 bộ bàn, ghế gỗ; 01 tủ bupphe gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 giường phòng gỗ; 01 giường ngủ inox; 01 giường ngủ gỗ tạp; 01 tủ ly gỗ; 01 ly văng gỗ; 01 bộ ghế inox; 01 ghế dựa gỗ; 01 ghế dài gỗ mặt đá hoa cương; 01 máy giặt; 06 hồ nước lớn; 02 hồ nước nhỏ; 01 tủ nhôm đựng quần áo. Một số cây trồng trên đất gồm có 01 cây bưởi, 03 cây mít, 01 cây mận; 01 cây nhãn, 01 cây ổi, 08 cây mãng cầu, 01 cây nguyệt quế, 09 cây cao kiểng.

- 32.000.000 đồng giá trị chiếc xe Air Blade Thái biển số 71C2 – 249.xx; 37.500.000 đồng giá trị chiếc xe Vespa biển số 71C2 – 421.xx; 01 sợi dây chuyền 20 chỉ vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18k, 01 chiếc lắc 10 chỉ vàng 18k; 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k, tiền hụi 88.000.000 đồng.

Cụ thể chia như sau:

- Chị Nguyễn Thị Trúc M được nhận 01 mái che (B) và 01 nhà (A), 01 sân đan, 01 hàng rào trên thửa đất 788, tờ bản đồ 11 (thửa mới 467, tờ bản đồ số 13), toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; 01 thửa đất 788, tờ bản đồ số 11, diện tích 712,4m^2

(thửa mới 467, tờ bản đồ số 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre do chị Nguyễn Thị Trúc M đứng tên quyền sử dụng đất; 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ bupphe gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 giường phòng gỗ; 01 giường ngủ inox; 01 giường ngủ gỗ tạp; 01 tủ ly gỗ; 01 ly văng gỗ; 01 bộ ghế inox; 01 ghế dựa gỗ; 01 ghế dài gỗ mặt đá hoa cương; 01 máy giặt; 06 hồ nước lớn; 02 hồ nước nhỏ; 01 tủ nhôm đựng quần áo và cây trồng trên đất gồm có 01 cây bưởi, 03 cây mít, 01 cây mận, 01 cây nhãn, 01 cây ổi, 01 cây mãng cầu, 01 cây nguyệt quế, 09 cây cao kiểng. Tổng giá trị tài sản thực tế chị M nhận là 690.102.868 đồng (sáu trăm chín mươi triệu một trăm lẻ hai nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng) và 17,5 chỉ vàng 18k; 2,5 chỉ vàng 24k mà anh Q chia lại.

- Anh Lê Thanh Q được nhận 32.000.000 đồng tiền chiếc xe Air Blade Thái biển số 71C2 – 249.xx; 37.500.000 đồng tiền chiếc xe Vespa biển số 71C2 – 421.xx; 88.000.000 đồng tiền hụi; 02 tivi (01 cái 42 inch + 01 cái 24 inch); 01 dàn máy âm ly; 01 máy nước nóng lạnh; 01 tủ lạnh; 01 máy lạnh; 01 giá võng inox. Tổng giá trị tài sản thực tế anh Q nhận được 196.500.000 (Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng và 17,5 chỉ vàng 18k; 2,5 chỉ vàng 24k.

Chị M nhận phần tài sản chung là hiện vật có giá trị lớn hơn so với phần được nhận của anh Q nên chị M có nghĩa vụ giao lại cho anh Q phần giá trị chênh lệch là 246.801.434 (hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm lẻ một nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng.

Anh Q có trách nhiệm giao ½ số vàng được chia cho chị M là 17,5 chỉ vàng 18k; 2,5 chỉ vàng 24k.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc M về việc yêu cầu bà Phan Thị Đ trả lại 11 chỉ vàng 24 do chị M rút lại yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/02/2019 bị đơn anh Lê Thanh Q kháng cáo không đồng ý giá trị nhà và đất như bản án sơ thẩm đã tuyên, anh yêu cầu xem xét lại việc định giá tài sản phải đúng với giá trị hiện nay và chia tài sản theo luật định.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:kháng cáo của anh Q là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn Lê

Thanh Q và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị M và anh Q đã thuận tình ly hôn theo quyết định thuận công nhận thuận tình ly hôn và công nhân sự thoả thuận của các đương sự số 80/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri, về tài sản chung khi ly hôn thì anh chị tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết. Nay phát sinh tranh chấp vì chị M yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn và đòi lại tài sản.

[2] Sau khi Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xửchia tài sản sau khi ly hôn, đối với phần nhà và đất, anh Q không đồng ý với giá trị đã tuyênnên có kháng cáo; đối với các tài sản còn lại anh Q, chị M không có ý kiến.

Tại cấp sơ thẩm, đối với nhà và cây trồng thì anh đồng ý chia theo giá đã định vào ngày 07/9/2018 mà anh và chị M đã thống nhất, còn mái che tiền chế, sân đan, hàng rào thì chia theo định giá ngày 12/10/2018. Anh Q cho rằng đối với nhà, đất nếu chia theo giá trị định giá ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre thì phải chia nhà đất cho anh, anh sẽ trả lại toàn bộ giá trị nhà đất cho chị M; nếu Toà án chia đôi và chia cho chị M nhận thì anh không đồng ý chia theo giá trị đã định ngày 12/10/2018 mà yêu cầu chia theo giá mà anh đưa ra là 1.000.000.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại toà hôm nay anh không yêu cầu định giá lại. Tại phiên toà phúc thẩm, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị chấp nhận giá trị mà anh đưa ra vì anh cho rằng đó là mức giá đúng với giá thị trường hiện nay.

Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tiến hành định giá hai lần vì anh Q không đồng ý kết quả định giá đối với nhà và đất;đối với các tài sản chung còn lại thì anh lại thống nhất và chấp nhận lấy làm cơ sở giải quyết vụ án. Anh Q kháng cáo nhưng không đưa ra được cơ sở xác định giá trị nhà, đất là 1.000.000.000 đồng, cũng như không xác định được cụ thể giá trị của nhà là bao nhiêu và giá trị đất là bao nhiêu để tính tổng nhà và đất là 1.000.000.000 đồng, khôngcung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở, anh Q cũng không yêu cầu định giá lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên cần giữ nguyên, không chấp nhận kháng cáo của anh Q.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sátphù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Thanh Q.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 04/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Áp dụngĐiều 35, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 217, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc M đối với anh Lê Thanh Q.

1.1. Chia đôi tài sản chung gồm có:

- 01 mái che (B) và 01 nhà (A), 01 sân đan, 01 hàng rào trên thửa đất 788, tờ bản đồ số 11 (thửa mới 467, tờ bản đồ số 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri (có hoạ đồ kèm theo).

- 01 thửa đất 788, tờ bản đồ số 11, diện tích 712,4m^2 (thửa mới 467, tờ bản đồ 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri do chị Nguyễn Thị Trúc M đứng tên quyền sử dụng đất (có hoạ đồ kèm theo).

- Tài sản trong nhà gồm có 02 tivi (01 cái 42 inch + 01 cái 24 inch); 01 dàn máy âm ly; 01 máy nước nóng lạnh; 01 tủ lạnh; 01 máy lạnh; 01 giá võng inox; 01 bộ bàn, ghế gỗ; 01 tủ bupphe gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 giường phòng gỗ; 01 giường ngủ inox; 01 giường ngủ gỗ tạp; 01 tủ ly gỗ; 01 ly văng gỗ; 01 bộ ghế inox; 01 ghế dựa gỗ; 01 ghế dài gỗ mặt đá hoa cương; 01 máy giặt; 06 hồ nước lớn; 02 hồ nước nhỏ; 01 tủ nhôm đựng quần áo. Một số cây trồng trên đất gồm có 01 cây bưởi, 03 cây mít, 01 cây mận; 01 cây nhãn, 01 cây ổi, 08 cây mãng cầu, 01 cây nguyệt quế, 09 cây cao kiểng.

- 32.000.000 đồng giá trị chiếc xe Air Blade Thái biển số 71C2 – 249.xx; 37.500.000 đồng giá trị chiếc xe Vespa biển số 71C2 – 421.xx; 01 sợ dây chuyền 20 chỉ vàng 18k; 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18k, 01 chiếc lắc 10 chỉ vàng 18k; 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k, tiền hụi 88.000.000 đồng.

1.2. Cụ thể chia như sau:

- Chị Nguyễn Thị Trúc M được nhận 01 mái che (B) và 01 nhà (A), 01 sân đan, 01 hàng rào trên thửa đất 788, tờ bản đồ 11 (thửa mới 467, tờ bản đồ số 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; 01 thửa đất 788, tờ bản đồ số 11, diện tích 712,4m^2 (thửa mới 467, tờ bản đồ số 13), toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre do chị Nguyễn Thị Trúc M đứng tên quyền sử dụng đất; 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ bupphe gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 giường phòng gỗ; 01 giường ngủ inox; 01 giường ngủ gỗ tạp; 01 tủ ly gỗ; 01 ly văng gỗ; 01 bộ ghế inox; 01 ghế dựa gỗ; 01 ghế dài gỗ mặt đá hoa cương; 01 máy giặt; 06 hồ nước lớn; 02 hồ nước nhỏ; 01 tủ nhôm đựng quần áo và cây trồng trên đất gồm có 01 cây bưởi, 03 cây mít, 01 cây mận, 01 cây nhãn, 01 cây ổi, 01 cây mãng cầu, 01 cây nguyệt quế, 09 cây cao kiểng. Tổng giá trị tài sản thực tế chị M nhận là 690.102.868 đồng (sáu trăm chín mươi triệu một trăm lẻ hai nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng) và 17,5 chỉ vàng 18k; 2,5 chỉ vàng 24k mà anh Q chia lại.

- Anh Lê Thanh Q được nhận 32.000.000 đồng tiền chiếc xe Air Blade Thái biển số 71C2 – 249.xx; 37.500.000 đồng tiền chiếc xe Vespa biển số 71C2 – 421.xx; 88.000.000 đồng tiền hụi; 02 tivi (01 cái 42 inch + 01 cái 24 inch); 01 dàn máy âm ly; 01 máy nước nóng lạnh; 01 tủ lạnh; 01 máy lạnh; 01 giá võng inox. Tổng giá trị tài sản thực tế anh Q nhận được 196.500.000 (Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng và 17,5 chỉ vàng 18k; 2,5 chỉ vàng 24k.

Chị M nhận phần tài sản chung là hiện vật có giá trị lớn hơn so với phần được nhận của anh Q nên chị M có nghĩa vụ giao lại cho anh Q phần giá trị chênh lệch là 246.801.434 đồng*(Hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm lẻ một nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng)*.

Anh Q có nghĩa vụ giao lại cho chị M số vàng là 17,5 chỉ vàng 18k*(Mười bảy phẩy năm chỉ vàng mười tám kara)*; 2,5 chỉ vàng 24k *(Hai phẩy năm chỉ vàng hai mươi bốn kara)*.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc M về việc yêu cầu bà Phan Thị Đ trả lại 11 chỉ vàng 24 do chị M rút lại yêu cầu.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng: 4.035.000 đồng *(Bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng)*, anh Q và chị M mỗi người phải chịu phân nửa. Chị M đã thanh toán xong, anh Q có trách nhiệm trả lại cho chị M số tiền là 2.017.500 đồng *(Hai triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng)*.

4. Án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Trúc M phải nộp án phí chia tài sản chung là 23.912.057 đồng *(Hai mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi bảy đồng)*, được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.671.000 đồng *(Mười chín triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*theo các biên lai thu số 0016129 ngày 16/5/2018, 0017727 ngày 25/6/2018, 0020032 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị M còn phải nộp tiếp số tiền là 4.241.057 đồng *(Bốn triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm năm mươi bảy đồng)*.

- Anh Lê Thanh Q phải nộp án phí chia tài sản chung là 23.912.057 đồng *(Hai mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi bảy đồng)*.

5. Án phí phúc thẩm: Anh Lê Thanh Q phải chịu 300.000 đồng*(Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0022238 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Anh Q đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Hồng